

Bản án số: **10/ 2017/ DS-ST.**

Ngày: 18/ 7/ 2017.

“V/v: Tranh chấp về kiện đòi nợ tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vi Thị Ty.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 18/ 7/ 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, Tòa án nhân dân huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 48/ 2015/ TLST-DS ngày 26/ 11/ 2015. Về việc: ***“Tranh chấp về kiện đòi nợ tiền”***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/ 2017/ QĐXXST-DS ngày 02/ 6/ 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/ 2017/ QĐST-DS ngày 26/ 6/ 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Mai Xuân P, sinh năm: 1961 và bà Trần Thị Kim V, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ông C có mặt; bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông P và bà V lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Lê Ngọc C và bà Nguyễn Thị T cùng trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ hàng xóm quen biết với nhau nên vợ chồng ông-bà có cho vợ chồng ông Mai Xuân P và bà Trần Thị Kim V vay số tiền là 50.000.000 đồng nợ gốc, khi vay vợ chồng ông P-bà V có thỏa thuận lãi suất bằng miệng với ông-bà là theo lãi suất Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện K, Gia Lai (*Nay được đổi tên thành Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai*). Vợ chồng ông P-bà V có viết giấy vay tiền cùng ký nhận nợ,

ghi rõ họ tên và giao lại cho ông- bà giữ với nội dung vay số tiền là 50.000.000 đồng, hạn 3 tháng kể từ ngày 5/ 12/ 2013 đến ngày 5/ 3/ 2014 âm lịch sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên. Đến hạn trả nợ nhưng do điều kiện gia đình ông P-bà V gặp khó khăn nên vẫn chưa trả được.

Đến ngày 06/ 8/2014 vợ chồng ông P-bà V lại tiếp tục vay ông- bà số tiền là 80.000.000 đồng nợ gốc, cũng thỏa thuận lãi suất bằng miệng với ông-bà là theo theo mức lãi suất Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai. Vợ chồng ông P-bà V viết giấy vay tiền, bà V ký nhận nợ, ghi rõ họ tên và giao lại cho ông - bà giữ với nội dung vay số tiền là 80.000.000 đồng, hạn đến ngày 6/11/ 2014 âm lịch sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên.

Tổng cộng, ông P-bà V vay nợ vợ chồng ông- bà 2 lần với số tiền là 130.000.000 đồng nợ gốc. Ông- bà đã cung cấp cho Tòa án 02 Giấy vay tiền đề ngày 05/ 12/ 2013 và ngày 06/ 8/2014 (*đều bản chính*) để làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông-bà.

Đến thời hạn hạn trả nợ đã lâu, vợ chồng ông- bà đã nhiều lần gặp trực tiếp vợ chồng ông P-bà V để yêu cầu trả nợ, nhưng ông P-bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ kể cả gốc và lãi. Vì vậy, ông-bà đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông P-bà V phải trả cho ông- bà số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), ông - bà không yêu cầu ông P- bà V phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc trên từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Ngọc C vẫn giữ nguyên quan điểm và không có bổ sung gì thêm.

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bà Thảo (*đối với khoản tiền 130.000.000 đồng*) cho đến khi người phải thi hành án (*ông Mai Xuân P và bà Trần Thị Kim V*) thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Mai Xuân P và bà Trần Thị Kim V: Sau khi vụ án được Tòa án thụ lý, TAND huyện Kbang đã triệu tập ông P-bà V đến làm việc để nhận thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã hai lần ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến đương sự nhưng ông P-bà V đều không hợp tác, vắng mặt không có lý do nên cả hai lần đều không tiến hành hòa giải được, do vậy Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại hai phiên tòa được mở vào ngày 26/ 6/ 2017 và ngày 18/ 7/ 2017, ông P-bà V đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông P- bà V không hợp tác, không đến Tòa làm việc nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt đến ông P- bà V bằng việc niêm yết các văn bản trên theo đúng thời gian và trình tự tố tụng dân sự được quy định. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Mai Xuân P và bà Trần Thị Kim V theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được ông C-bà T giao nộp, gồm: 01 Giấy vay tiền đề ngày 05/ 12/ 2013 có nội dung vay số tiền là 50.000.000 đồng, hạn 3 tháng kể từ ngày 5/ 12/ 2013 đến ngày 5/ 3/ 2014 âm lịch sẽ hoàn trả (*bản chính*); 01 Giấy vay tiền đề ngày 06/ 8/2014 có nội dung vay số tiền là 80.000.000 đồng, hạn đến ngày 6/11/ 2014 âm lịch sẽ hoàn trả đầy đủ (*bản chính*); 02 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Ngọc C và Nguyễn Thị T (*bản sao*); 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị T (*bản sao*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn ông Lê Ngọc C, bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Mai Xuân P, bà Trần Thị Kim V là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay là ông C - bà T và bên vay là ông P-bà V. Quan hệ này được lập thành văn bản, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Ông C - bà T là chủ thể trong giao dịch có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Đơn khởi kiện đảm bảo về hình thức và thời hiệu khởi kiện nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, Gia Lai.

[2] Quan hệ vay tài sản giữa người cho vay ông C - bà T và người vay ông P-bà V có thực hiện việc giao kết hợp đồng là 02 Giấy vay tiền đề ngày đề ngày 05/ 12/ 2013 và ngày 06/ 8/2014 (*đều bản chính*), nguyên đơn đã nộp cho Tòa án để làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người vay đã ký ghi rõ họ tên Mai Xuân P và Trần Thị Kim V. Chứng cứ ông C - bà T cung cấp cho Tòa án là đúng, đồng thời chứng cứ hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về phía bị đơn luôn trốn tránh, vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập; không tham gia vào các giai đoạn của quá trình tố tụng sơ thẩm đã thể hiện việc ông-bà tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, đồng thời mặc nhiên thể hiện ông-bà là người có vay nợ tiền của ông C-bà T và đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông C-bà T, nên khi ông C-bà T khởi kiện thì ông- bà phải có nghĩa vụ trả nợ.

Từ những phân tích như trên, căn cứ vào Điều 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005 HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc C, bà Nguyễn Thị T để buộc bị đơn ông Mai Xuân P, bà Trần Thị Kim V phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 130.000.000 đồng x 5 % = 6.500.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108 và khoản 03 Điều 144; khoản 01 và khoản 05 Điều 147; 227; 228; 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc C, bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn ông Mai Xuân P, bà Trần Thị Kim V phải trả cho nguyên đơn ông Lê Ngọc C, bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ông C-bà T (*đối với khoản tiền 130.000.000 đồng*) cho đến khi người phải thi hành án (*ông Mai Xuân P, bà Trần Thị Kim V*) thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ông Mai Xuân P và bà Trần Thị Kim V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.500.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Ngọc C và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 3.250.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004807 ngày 26/11/2015 của Chi cục THADS huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn ông Lê Ngọc C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

Nơi nhận:
-TA tỉnh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS K;
- THA K;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

Lê Văn Nguyên